TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **202**/2023/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày **20** tháng **9** năm **2023***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 09 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 139/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 07 năm 2023 về việc: "Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng"

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ trụ sở: 442 N, phường 5, quận 3, thành phố H; Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, số 10 phố P, phường P, quận H, thành phố H; Đại diện pháp luật: ông Từ Tiến P – Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T – giám đốc xử lý nợ; Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đỗ Thị L – (theo giấy ủy quyền số: 1801/UQ-CNTL.23 ngày 21/06/2023).

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị T – Sinh năm: 1956; ĐKHKTT: Số 55 N, phường P, quận B, thành phố H; Nơi ở: Số 106 N, phường P, quận B, thành phố H.

Ông Lê Đức T – Sinh năm: 1955; ĐKHKTT: Số 55 N, phường P, quận B, thành phố H; Nơi ở: Số 106 N, phường P, quận B, thành phố H; Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị T (Theo giấy ủy quyền ngày 11/9/2023).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Anh Lê Tiến A**, sinh năm 2000;

HKTT và nơi ở: Số 106 N, phường P, quận B, H; Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị T (Theo giấy ủy quyền ngày 11/9/2023).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số nợ: Ngân hàng TMCP A và Bà Ngô Thị T, ông Lê Đức T và anh Lê Tiến A xác nhận tạm tính đến ngày 12/09/2023 bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền: **1.960.902.514 đồng (*một tỷ chín trăm sáu mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn năm trăm mười bốn đồng*)** trong đó nợ gốc là: 1.775.902.000 đồng (một tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm linh hai nghìn đồng); nợ lãi trong hạn: 32.316.728 đồng; Lãi quá hạn: 151.238.988 đồng; phạt chậm trả: 1.444.798 đồng; theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng tại Bản thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BAD.CN.458.250118 ngày 26/01/2018 và Hợp đồng đồng tín dụng số BAD.CN.408.250118 ngày 26/01/2018;Khế ước nhận nợ số 01: 255018489 ngày 26/01/2018; Bản thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BAD.CN.458.250118 ngày 26/01/2018 và Hợp đồng cấp tín dụng số BAD.CN.397.060818 ngày 07/08/2018; Khế ước nhận nợ số 01/267298839 ngày 07/08/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số BAD.CN.761.231219 ngày 23/12/2019; Khế ước nhận nợ số 01: 298927799 ngày 23/12/2019; Hợp đồng đồng tín dụng số BAD.CN.385.200420 ngày 21/4/2020; Khế ước nhận nợ số 01/307486089 ngày 21/04/2020.

2. Về phương thức thanh toán: Bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền: 1.960.902.514 đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn năm trăm mười bốn đồng) theo kế hoạch trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày **12/10/2023** bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) (trừ vào nợ gốc).

- Chậm nhất ngày **12/11/2023** bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T sẽ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) (trừ vào nợ gốc).

- Chậm nhất ngày **12/12/2023** bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T sẽ tất toán số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP A.

3. Kể từ ngày 13/9/2023, bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Bản thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BAD.CN.458.250118 ngày 26/01/2018 và Hợp đồng cấp tín dụng số BAD.CN.408.250118 ngày 26/01/2018; Khế ước nhận nợ số 01: 255018489 ngày 26/01/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số BAD.CN.397.060818 ngày 07/08/2018; Khế ước nhận nợ số 01: 267298839 ngày 07/08/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số BAD.CN.761.231219 ngày 23/12/2019; Khế ước nhận nợ số 01: 298927799 ngày 23/12/2019; Hợp đồng đồng tín dụng số BAD.CN.385.200420 ngày 21/4/2020; Khế ước nhận nợ số 01/307486089 ngày 21/04/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Trường hợp bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán nào về thời hạn hoặc số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Nhà số 106 đường N, phường P, quận B, thành phố H Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 121763, số vào sổ cấp GCN CS02895 do sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/01/2018 đứng tên ông Lê Đức T và bà Ngô Thị T; Hợp đồng thế chấp số BAD.BĐCN.199.250118, số công chứng 000345.2018/HĐTC được công chứng tại Văn phòng công chứng T (thành phố H) ngày 25/01/2018, đăng kí thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai H – Chi nhánh khu vực B – H – Đ ngày 31/01/2018; Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp (sửa đổi lần 01) số công chứng 002929.2018/HĐSĐ được công chứng tại Văn phòng công chứng T (thành phố Hà Nội) ngày 07/08/2018; Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp (sửa đổi lần 02) số công chứng 000905.2020/HĐSĐ được công chứng tại Văn phòng công chứng T (thành phố Hà Nội) ngày 20/04/2020 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 25/01/2018.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị T và ông Lê Đức T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.870.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007991 ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

III. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. ***Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.***

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Vân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.